

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC Ở CẤP ĐỘ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Hà Thị Vân Anh<sup>1</sup>

## TÓM TẮT

*Chất lượng đào tạo nhân lực là cốt lõi của chất lượng giáo dục đại học. Bài báo tập trung nghiên cứu một số vấn đề lý luận về đảm bảo chất lượng đào tạo đại học ở cấp độ chương trình đào tạo thông qua khái niệm và bản chất về đảm bảo chất lượng, đặc biệt là chu trình cải tiến chất lượng liên tục ADDevIE. Trong đó, ADDevIE ở đây được sử dụng như một chu trình cải tiến chất lượng liên tục nhằm đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo. Bài báo này đồng thời là tiền đề cho việc xây dựng các tiêu chí về cách thức đảm bảo chất lượng ở cấp độ chương trình đào tạo cử nhân theo chu trình của ADDevIE (Phân tích - Thiết kế - Phát triển - Thực hiện - Đánh giá).*

**Từ khóa:** *Đảm bảo chất lượng, chương trình đào tạo, Chu trình cải tiến chất lượng liên tục ADDevIE*

### 1. Đặt vấn đề

Chất lượng đào tạo (CLĐT) của chương trình đào tạo (CTĐT) đại học luôn được khẳng định là yếu tố quan trọng, góp phần hình thành và phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, quốc gia và ngành/ngành, đảm bảo cho sự phát triển và cạnh tranh lâu dài trong xu thế hội nhập của trường đại học hiện nay và tương lai. Bên cạnh đó, để nâng cao CLĐT thì điều kiện tiên quyết là các trường đại học phải thường xuyên thực hiện tốt đảm bảo chất lượng (ĐBCL) cấp trường đại học nói chung và cấp CTĐT nói riêng. Đặc biệt dù cho ĐBCL cấp trường hay CTĐT thì “lõi” quan trọng nhất là chu trình cải tiến chất lượng liên tục, như PDCA, CDIO, ADDevIE... Trong số các chu trình kể trên, bài báo tập trung trình bày và phân tích cơ sở lý luận về ĐBCL cấp CTĐT dựa vào chu trình cải tiến chất lượng liên tục “ADDevIE”: “Analysis (Phân tích) - Design (Thiết kế) - Development (Phát

triển) - Implement (Thực hiện) - Evaluation (Đánh giá)”.

### 2. Kết quả nghiên cứu

#### 2.1. Khái niệm về đảm bảo chất lượng đào tạo đại học cấp chương trình

Dưới đây là một số cách hiểu phổ biến về ĐBCL cấp CTĐT:

Đảm bảo chất lượng là những quan điểm, chủ trương, chính sách, mục tiêu, hành động, công cụ, quy trình, thủ tục, được sử dụng để đảm bảo các chuẩn mực đang được duy trì và nâng cao, đạt tới sứ mạng và mục tiêu/chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT. Đảm bảo chất lượng là thuật ngữ chung, đề cập đến các biện pháp và cách tiếp cận được sử dụng để nâng cao CLĐT.

Đảm bảo chất lượng đào tạo có thể hiểu là một hệ thống các biện pháp, các hoạt động có kế hoạch, được tiến hành trong và ngoài nhà trường đại học, và được chứng minh là đủ mức cần thiết để tạo ra sự thỏa đáng rằng các hoạt động và sản phẩm đào tạo - sinh viên (SV) tốt

<sup>1</sup>Trường Đại học Đồng Nai  
Email: vananh90@gmail.com

ngành đáp ứng được các yêu cầu về CLĐT theo mục tiêu đào tạo dự kiến [1].

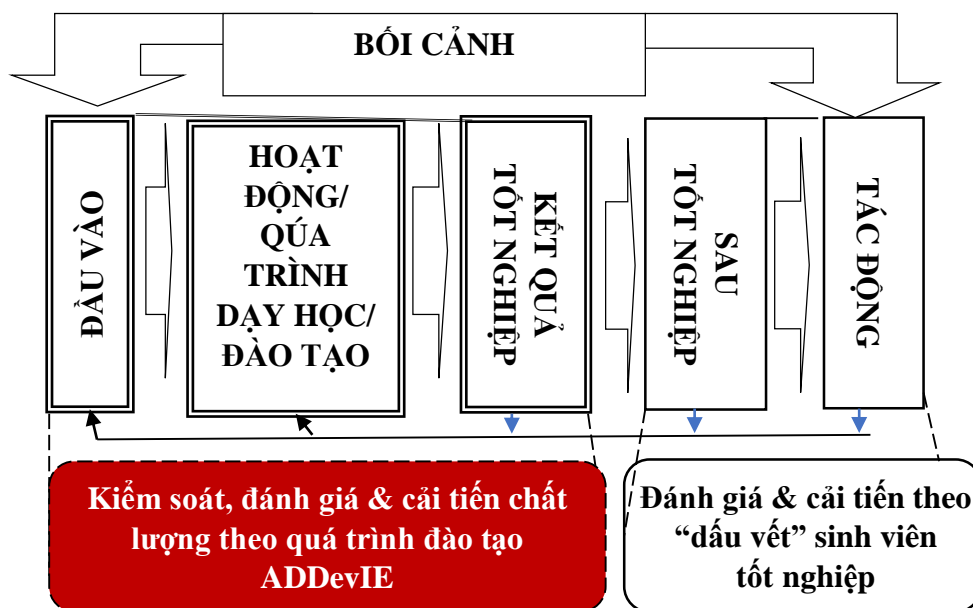
Hiệu đơn giản, ĐBCL đào tạo là công cụ để tạo ra các sản phẩm hay dịch vụ không bị lỗi và khiếm khuyết; hay ĐBCL là đáp ứng nhất quán các tiêu chí chất lượng của sản phẩm hay dịch vụ để đảm bảo làm đúng sự vật ngay tại thời điểm đầu tiên và mọi thời gian [2].

Như vậy, có thể hiểu ĐBCL đào tạo của CTĐT đại học là quá trình quản lý tác nghiệp của nhà trường đại học nhằm thiết lập cơ chế vận hành và kiểm tra đánh giá dựa vào hệ thống ĐBCL, gồm các chính sách, thủ tục, quy trình, điều kiện ĐBCL..., để tạo sự tin tưởng rằng SV tốt nghiệp thỏa mãn đầy đủ các yêu

cầu về CLĐT theo mục tiêu đào tạo/CĐR, đáp ứng được yêu cầu của bên sử dụng lao động (SDLĐ) và thị trường lao động (TTLĐ).

## 2.2. Bản chất của đảm bảo chất lượng đào tạo đại học cấp chương trình

Theo tác giả [2], [3], vận dụng Mô hình quá trình đào tạo cho thấy bản chất hay cơ chế hoạt động đào tạo của CTĐT đại học được hiểu là sử dụng hay tích hợp các đầu vào vào các hoạt động/quá trình dạy học/đào tạo theo các chiến lược hay giải pháp đã được lựa chọn để đạt tới các đầu ra thường được diễn giải theo các mục tiêu, vì vậy đạt tới chiến lược phát triển CTĐT theo các giai đoạn khác nhau [2], [3], [4], [5] (xem hình 1).



**Hình 1:** Bản chất ĐBCL đào tạo đại học cấp CTĐT theo ADDevIE

Thực tế, mục tiêu và/hay đầu ra thường được chia thành: Mục tiêu dài hạn được xây dựng và đo/đánh giá dựa trên các tác động dài hạn (Impacts) mà giáo dục/đào tạo mang lại liên quan đến phát triển nhân cách và đóng góp cho xã hội sau tốt nghiệp; Mục

tiêu trung hạn chính là các kết quả đầu ra (Outcomes) liên quan đến mức độ đáp ứng vị trí việc làm hay học tập tiếp theo của SV...; và Mục tiêu ngắn hạn liên quan đến các đầu ra (Outputs) như kết quả tốt nghiệp... [6], [7].

Do đó, bản chất ĐBCL đào tạo cấp/của CTĐT được hiểu là việc thiết lập và vận hành hệ thống ĐBCL cấp/của CTĐT thông qua cải tiến liên tục nhằm đạt tới sứ mạng, giá trị, mục tiêu và chiến lược phát triển CTĐT, bao gồm [8], [9], [10], [11]:

- Hệ thống con về kiểm soát chất lượng theo quá trình đào tạo “Đầu vào - Hoạt động/Quá trình con về dạy học/đào tạo - Đầu ra/kết quả tốt nghiệp”, thông qua chu trình cải tiến CLĐT liên tục ADDevIE, gắn với thiết lập các tiêu chí, chỉ báo chất lượng, để sớm nhận ra các sai sót theo tiến độ thực hiện so với kế hoạch để phòng ngừa/ngăn chặn hay khắc phục kịp thời. Trong đó, chu trình cải tiến CLĐT liên tục ADDevIE đóng vai trò hết sức quan trọng được trình bày trong Mục tiếp theo ở bên dưới;

- Hệ thống con về đánh giá theo “dấu vết” SV tốt nghiệp để đo/đánh giá mức độ phù hợp về năng lực sau tốt nghiệp so với vị trí việc làm hay học tập tiếp theo, học tập suốt đời, gắn với phản hồi thông tin để cải tiến hệ thống ĐBCL CTĐT đại học.

Còn đo/đánh giá tác động do giáo dục/đào tạo mang lại trong quá trình phát triển nhân cách và đóng góp cho xã hội của SV tốt nghiệp thường đòi hỏi thời gian lâu dài và chủ yếu được thực hiện thông qua các điều tra về xã hội học, nên khó đề cập trong hệ thống ĐBCL cấp CTĐT đại học.

Hơn nữa, theo các nghiên cứu về ĐBCL cấp CTĐT còn bao gồm ĐBCL bên trong và bên ngoài:

- ĐBCL bên trong diễn ra trong phạm vi nội bộ CTĐT đại học thông qua xem xét các yếu tố đầu vào, quá trình và đầu ra theo các quy trình và cơ chế nhất định. Đầu vào bao gồm các yếu tố: mục tiêu/CĐR; CTĐT và tài liệu dạy học/đào tạo; SV, đội ngũ giảng viên (GV) và nhân viên; cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học/đào tạo; tài chính, v.v... Hoạt động/Quá trình dạy học/đào tạo bao gồm các yếu tố: hoạt động dạy học/đào tạo thường đo/đánh giá qua tiếp cận dạy học/đào tạo, đánh giá SV và môi trường dạy học/đào tạo tích cực, v.v...; và Đầu ra bao gồm kết quả tốt nghiệp so với chỉ tiêu đào tạo, hiệu quả đào tạo, mức độ hài lòng của các bên liên quan bên trong trường đại học/CTĐT...

- ĐBCL bên ngoài thực chất là kiểm định chất lượng CTĐT thông qua đánh giá và cấp chứng nhận đạt chất lượng. Quy trình kiểm định thường bao gồm bốn bước: Tự đánh giá, đăng ký kiểm định chất lượng, kiểm định CLĐT và công nhận kết quả kiểm định chất lượng, cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định CLĐT.

Bên cạnh đó, thực tế, hiện nay trên thế giới đang áp dụng ba cách thức ĐBCL đào tạo, đó là [12]:

- Đánh giá chất lượng (Quality Assessment) là đánh giá các sản phẩm đầu ra trên cơ sở xem xét chi tiết cấu trúc CTĐT, hiệu quả đào tạo và được sử dụng để xác định xem CTĐT đại học có đáp ứng các tiêu chí, chỉ báo chất lượng hay không. Ấn Độ và Trung Quốc là các quốc gia điển hình ở khu vực Đông Á – Thái Bình Dương sử dụng đánh giá chất lượng kết hợp với quá trình kiểm định.

- Kiểm toán chất lượng (Quality Audit) là một quá trình kiểm tra CTĐT có hay không có một quy trình ĐBCL cho các hoạt động đào tạo và các hoạt động liên quan; quy trình này có được thực hiện không và thực hiện có hiệu quả như thế nào [13]. Astralia và New Zealand là hai quốc gia tiêu biểu trong việc áp dụng quy trình kiểm toán chất lượng.

- Kiểm định chất lượng (Quality Accreditation) là quá trình xem xét chất lượng từ bên ngoài, được sử dụng để khảo sát đánh giá các CTĐT đại học nhằm đảm bảo và cải tiến chất lượng. Đây là quá trình đánh giá ngoài nhằm đưa ra một quyết định công nhận một CTĐT đại học có đáp ứng các chuẩn mực quy định hay không [14]. Trong khu vực châu Á Thái Bình Dương, kiểm định chất lượng đã được thực hiện ở nhiều quốc gia như: Campuchia, Hồng Kông, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, Mông Cổ, Philippines, Việt Nam và Thái Lan...

Cuối cùng, ĐBCL đào tạo cấp CTĐT đại học dù là bên trong và/hay bên ngoài, cần được xây dựng thành một hệ thống hoàn chỉnh, đó chính là hệ thống ĐBCL đào tạo và thường phải đáp ứng ba yêu cầu chính sau [12]:

- Xây dựng được một sơ đồ các vấn đề cần quản lý (chuỗi các công đoạn/quy trình);

- Xây dựng được các quy trình, thủ tục thực hiện cho từng công đoạn/quy trình đó và đảm bảo điều kiện cho việc thực hiện được và có thể tham gia kiểm định khi cần thiết;

- Có những tiêu chí cần thiết để đối chiếu kết quả đạt được so với các tiêu

chuẩn đã quy định trong mục tiêu ở đầu vào, quá trình và đầu ra của mỗi công đoạn/quy trình.

Hệ thống ĐBCL đào tạo của CTĐT thường bao gồm: cơ cấu tổ chức, các thủ tục, các quá trình và các nguồn lực cần thiết để thực hiện đồng bộ, đạt được những tiêu chí và các chỉ báo chất lượng cụ thể do các cơ quản lý ban hành và phù hợp với đặc điểm và điều kiện cụ thể, đảm bảo nâng cao CLĐT nhằm thỏa mãn yêu cầu của người học và đáp ứng nhu cầu của bên SDLĐ và/hay TTLĐ [14].

### **2.3. Chu trình cải tiến liên tục chất lượng đào tạo ADDevIE**

Thực tế, Mô hình ADDevIE đã xuất hiện vào năm 1975 và được biết đến với tên ADDIE. Năm giai đoạn của ADDIE này được xem là bắt nguồn từ SAT (System Approach to Training – Tiếp cận hệ thống với đào tạo) hay ISD (Instructional System Design – Thiết kế hệ thống đào tạo/dạy học) cho đào tạo Quân đội Hoa Kỳ bởi Trung tâm Công nghệ Giáo dục của Đại học Bang Florida, Hoa Kỳ năm 1970 [15] và qua nhiều năm trở thành phổ biến, được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt trong phát triển đào tạo đại học [16].

Tên ban đầu của mô hình là ADDIEC (Giai đoạn cuối là “Evaluation and Control – Đánh giá và Kiểm soát” và 5 giai đoạn của Mô hình này thường được chi tiết thành 19 bước và đến năm 1981 Russell Watson đã cải tiến nội dung các giai đoạn của ADDIEC phù hợp hơn với nhu cầu của tổ chức [15] (xem bảng 1).

**Bảng 1:** So sánh 5 giai đoạn và các bước ADDIEC trước đây và của Russell Watson

5 giai đoạn	Trước đây	Russell Watson
Analysis – Phân tích	Phân tích việc làm; Lựa chọn các chức năng, nhiệm vụ; Cấu trúc các chỉ báo đo/đánh giá thực hiện; Phân tích khóa/CTĐT hiện tại; Lựa chọn khung CTĐT	Thu thập dữ liệu việc làm và nhiệm vụ; Biên soạn danh sách nhiệm vụ tổng quát; Phát triển miêu tả về dân số mục tiêu người học; Lựa chọn các nhiệm vụ chính; Phân tích từng nhiệm vụ
Design – Thiết kế	Phát triển các mục tiêu; Phát triển thi/kiểm tra; Miêu tả hành vi đầu vào/nhập học/tuyển sinh; Xác định thứ tự và cấu trúc khóa/CTĐT	Phân tích từng nhiệm vụ học tập; Lựa chọn nơi đào tạo cho từng nhiệm vụ; Phát triển các mục tiêu hành vi; Cấu trúc thi/kiểm tra và tiêu chí; Sắp xếp đào tạo
Development – Phát triển	Xác định các sự kiện/hoạt động học tập; Dự kiến kế hoạch quản lý dạy học/đào tạo và hệ thống truyền tải; Xem xét/Lựa chọn tài liệu khóa/CTĐT hiện có; Phát triển dạy học/đào tạo; Phê chuẩn	Xem xét/Điều chỉnh tài liệu hiện có; Lựa chọn phương pháp và phương tiện phù hợp; Phát triển tài liệu khóa/CTĐT mới; Phê chuẩn tài liệu; Phát triển kế hoạch quản lý đào tạo
Implement – Thực hiện	Thực hiện kế hoạch quản lý đào tạo; Thực hiện đào tạo	
Evaluation and Control – Đánh giá và Kiểm soát	Thực hiện đánh giá trong; Thực hiện đánh giá ngoài; Hệ thống điều chỉnh/cải tiến	Thực hiện đánh giá ngoài; Đánh giá dữ liệu và điều chỉnh/cải tiến hệ thống

Vào năm 1984, Mô hình ADDIE trở nên năng động hơn khi bản chất “đánh giá” của Giai đoạn 5 được bổ sung tiếp cận đánh giá hình thành sau mỗi giai đoạn của 3 giai đoạn đầu để điều chỉnh giai đoạn trước và đánh giá tổng thể sau Giai đoạn 4 “Thực hiện”. Vì vậy, Giai đoạn 5 được đổi tên từ “Đánh giá và kiểm soát” thành “Đánh giá” (Hannum, 2005). Đó là lý do tại sao tên của Mô hình được dịch chuyển từ ADDIEC thành ADDIE như ngày nay.

### **Bản chất của ADDevIE**

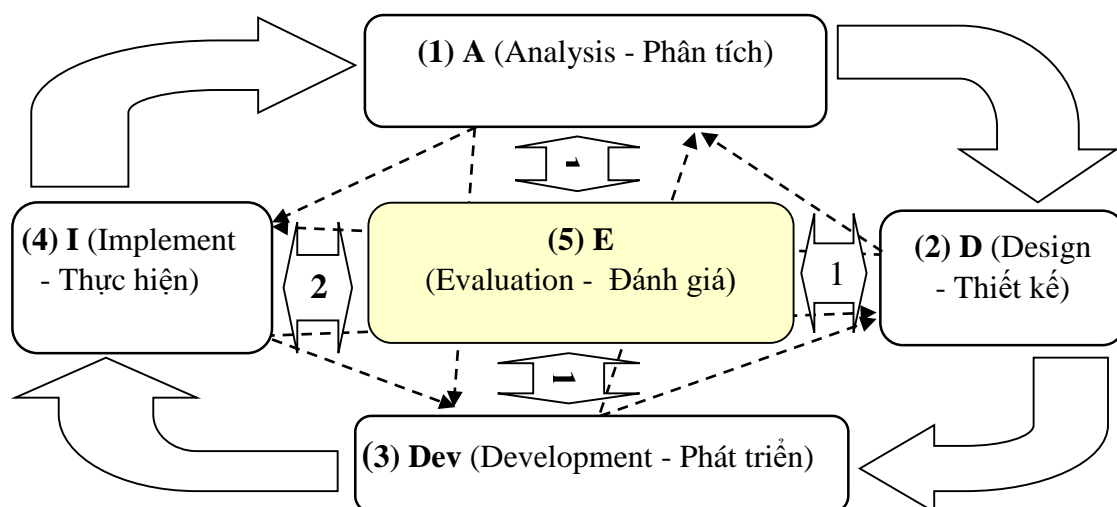
Theo McGriff (2000), thiết kế CTĐT và tài liệu dạy học/đào tạo là cách tiếp cận hệ thống dựa vào ADDevIE dựa trên triết lý dựa vào người học/SV hơn là dựa vào người dạy/GV theo cách truyền thống. Tức là, tất cả thành tố của đào tạo được quản lý dựa vào kết quả đầu ra hay CDR của CTĐT, dựa trên phân tích nhu cầu học tập của người học/SV và bên SDLĐ.

Hơn nữa, các giai đoạn của ADDevIE đôi khi bị chồng lấn do có quan hệ chặt chẽ với nhau, nhưng kết quả của giai đoạn trước luôn là hướng

dẫn/định hướng mềm dẻo, linh hoạt để phát triển giai đoạn sau. Vì vậy, hiệu quả đào tạo sẽ đáp ứng nhu cầu của người học/SV và bên SDLĐ tốt hơn.

Tiếp theo, mặc dù ADDevIE được xem là mô hình “Đường kẻ tuyến tính” hay “Thác nước” (waterfall), nhưng trong thực tế thực hiện không hẳn như vậy. Trong khi 3 giai đoạn đầu là theo logic tuyến tính trước sau thì giai đoạn cuối cùng “Đánh giá và kiểm soát” và sau này là “Đánh giá” là quá trình liên tục để kết nối với các giai đoạn còn lại với nhau (Watson, 1981) [15].

Thực vậy, ADDevIE chỉ lặp lại tuyến tính trong 3 giai đoạn đầu, đôi khi bị chồng lấn do có quan hệ chặt chẽ với nhau mà theo đó các kết quả của đánh giá hình thành sau mỗi giai đoạn được sử dụng để điều chỉnh/cải tiến giai đoạn trước và sản phẩm của giai đoạn trước là điểm bắt đầu/đầu vào của giai đoạn tiếp theo; và đánh giá tổng thể được thực sau Giai đoạn 4 “Thực hiện” để điều chỉnh/cải tiến hệ thống/tổng thể (xem hình 2).



**Hình 2:** Mô hình ADDevIE (1 – Đánh giá hình thành và 2 – Đánh giá tổng hợp; và “- - >” là phản hồi thông tin lại các giai đoạn sau để cải tiến)

Từ hình 2 có thể thấy, Giai đoạn “E - Đánh giá” được dùng chung cho cả 4 giai đoạn còn lại nhằm đánh giá hiệu quả và hiệu suất của dạy học/đào tạo và cần được thực hiện thông qua quá trình của tất cả các giai đoạn khác – trong từng giai đoạn, giữa các giai đoạn và sau khi thực hiện. Thực tế cần có hai kiểu đánh giá: Đánh giá hình thành (Formative Evaluation) được thực hiện giữa các giai đoạn trong 3 giai đoạn đầu với mục đích điều chỉnh/cải tiến thiết kế dạy học/đào

trước Giai đoạn thực hiện; và Đánh giá tổng thể (Summative Evaluation) được thực hiện sau Giai đoạn “I - Thực hiện” để đánh giá tổng thể hiệu quả của kết quả đào tạo. Dữ liệu đánh giá tổng thể thường được sử dụng để ra quyết định, như đã đạt tới mục tiêu đào tạo/CĐR của CTĐT hay chưa để điều chỉnh, bổ sung và cải tiến.

Từ phân tích trên, vận dụng mô hình ADDevIE để cải tiến liên tục, có thể thấy gồm các giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 1 “E-A” (Đánh giá hình thành - Phân tích) là quá trình đánh giá và phân tích hiện trạng và cơ hội, thách thức liên quan đến CTĐT và thường trả lời 6 câu hỏi “5W và 1H”: “Who – Ai” là đối tượng tuyển sinh và trình độ cần đào tạo (đại học, thạc sĩ, tiến sĩ...) của CTĐT; “What – Cái gì” cần đào tạo những gì và thường liên quan đến đáp ứng nhu cầu đào tạo; “When – Khi nào” bắt đầu và kết thúc hay khung thời gian đào tạo; “Where – Đào tạo ở đâu” liên quan đến cách (phương pháp, hình thức...) tổ chức đào tạo (trực tuyến, lớp học truyền thống, thực tập...); “Why – Tại sao” làm như vậy liên quan đến mục tiêu đào tạo/CĐR của CTĐT; và “How – Làm thế nào” liên quan đến các chiến lược/giải pháp, nguồn lực (nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính...) cần có để tổ chức thực hiện CTĐT...

Đánh giá ở đây chính là đánh giá hình thành kết hợp với sử dụng kết quả của đánh giá tổng thể từ Giai đoạn “I – Thực hiện” trước đó để xem xét/phân tích môi trường bên trong nhằm xác định các mặt mạnh, yếu, nguyên nhân và môi trường bên ngoài để xác định cơ hội cũng như thách thức. Kết quả của Giai đoạn này không chỉ là “đầu vào” để thực hiện Giai đoạn sau mà còn được sử dụng để điều chỉnh/bổ sung và cải tiến các giai đoạn trước.

- Giai đoạn 2 “E-D” (Đánh giá hình thành – Thiết kế) là quá trình phân tích kết quả của giai đoạn trên để thiết kế kế hoạch đào tạo, bao gồm các nội dung chính: Trình độ đào tạo, đối tượng, chỉ tiêu đào tạo/tuyển sinh (Who); Mục tiêu/CĐR, nội dung và tài liệu dạy học/đào tạo (Why và What); Khung thời gian đào tạo (When); Cách thức tổ chức

đào tạo (phương pháp, hình thức...); và chiến lược/giải pháp và nguồn lực cần có để thực hiện CTĐT (How).

Trong quá trình thiết kế nếu có nảy sinh các vấn đề thì cần tổ chức đánh giá hình thành để làm rõ. Kết quả của Giai đoạn này không chỉ là “đầu vào” để tổ chức thực hiện giai đoạn sau mà còn được sử dụng để điều chỉnh/bổ sung và cải tiến các giai đoạn trước (nếu cần thiết).

- Giai đoạn 3 “E-Dev” (Đánh giá hình thành – Phát triển/Thử nghiệm) được thực hiện dựa trên kết quả của 2 giai đoạn trên để xin ý kiến với các bên liên quan hay thử nghiệm nhằm hoàn thiện các dự thảo thiết kế (CĐR, nội dung và tài liệu của CTĐT; yêu cầu về đầu vào và tuyển sinh; Chính sách/chiến lược, nguồn lực... tổ chức CTĐT) của giai đoạn trước và sau đó phê chuẩn và ban hành.

Kết quả của giai đoạn này không chỉ là “đầu vào” để tổ chức thực hiện Giai đoạn “I – Thực hiện” tiếp theo mà còn được sử dụng để điều chỉnh/bổ sung và cải tiến các giai đoạn trước (nếu cần thiết).

- Giai đoạn 4 “I-E” (Thực hiện – Đánh giá tổng hợp/kết quả) là tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo (ĐBCL tuyển sinh; nguồn lực đầu vào (đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học/đào tạo, tài chính...), hoạt động dạy học/đào tạo của GV và học tập của SV, kiểm tra và đánh giá kết quả và thi tốt nghiệp, hệ thống giám sát ĐBCL theo quá trình và đánh giá theo “dấu vết” người học/SV tốt nghiệp trong môi trường/bối cảnh thực tế và đánh giá tổng hợp, lưu trữ, giải thích kết quả thực hiện gắn với hệ thống phản hồi thông tin để cải tiến.

Tương tự như trên, kết quả của giai đoạn này không chỉ là “đầu vào” để tổ

chức thực hiện Giai đoạn sau mà còn được sử dụng để điều chỉnh/bổ sung và cải tiến các giai đoạn trước.

### 3. Kết luận

Trên đây tác giả bài báo đã trình bày và phân tích một số lý luận về ĐBCL đào tạo cấp CTĐT đại học thông qua khái niệm và bản chất về ĐBCL, đặc biệt là dựa vào chu trình cải tiến chất lượng liên tục. Thực tế, thiết kế CTĐT và tài liệu dạy học/đào tạo là cách tiếp cận hệ thống dựa vào ADDevIE dựa trên triết lý dựa vào người học/SV hơn là dựa vào người dạy/GV theo cách truyền thống. Tức là, tất cả thành tố của đào tạo được quản lý

dựa vào kết quả đầu ra hay CĐR của CTĐT, dựa trên phân tích nhu cầu học tập của người học/SV và bên SDLĐ. Hơn nữa, các giai đoạn của ADDevIE đôi khi bị chồng lấn do có quan hệ chặt chẽ với nhau, nhưng kết quả của giai đoạn trước luôn là hướng dẫn/định hướng mềm dẻo, linh hoạt để phát triển giai đoạn sau. Vì vậy, hiệu quả đào tạo sẽ đáp ứng nhu cầu của người học/SV và bên SDLĐ tốt hơn [17].

Đây được xem là tiền đề quan trọng cho những nghiên cứu vận dụng vào ĐBCL cấp CTĐT theo ngành/nghề đào tạo trình độ đại học cụ thể tiếp theo.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Minh Đường (2004), *Thiết lập mối quan hệ giữa cơ sở đào tạo và cơ sở sản xuất, một giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề*, Đặc san 35 năm sự nghiệp dạy nghề, Hà Nội
2. Nguyễn Tiên Hùng (2014), *Quản lý chất lượng trong giáo dục* (Giáo trình sau đại học), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
3. Nguyễn Tiên Hùng (2014b), “Bản chất và khung quản lý chất lượng của cơ sở giáo dục”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 107, tháng 08 năm 2014*, tr. 4-7
4. The Finish National Board of Education (2008), *Quality Management Recommendations for Vocational Education and Training*, Yliopistopanio, Helsinki 2008
5. Rath, C. (2010), *Designing a quality management system for a Cambodian university*, A thesis presented to the University of Technology, Sydney
6. Lim, D. (2001), *Quality Assurance in Higher Education: A study of developing countries*, Ashgate Aldershot, Burlington USA, Singapore, Sydney
7. Sanyal, B. & Martin, M. (2007), “Quality Assurance and the Role of Accreditation: An overview”, in Global University Network for Innovation, PALGRAVE MACMILLAN, New York
8. Huitt, W. (2003), *A Transactional Model of The Teaching and Learning Process, Educational Psychology Interactive*, Valdosta State University, Valdosta
9. Lee, F. T. and Han, Y. B. (2005), *Application of Effective Teaching and Learning Methods in Engineering Education*, Monash University Malaysia, Malaysia
10. Nasseh, B. (2001), *Changing Definition of Teaching and Learning*, Ball State University
11. Nguyễn Tiên Hùng (2008), “Quản lý quá trình dạy và học đại học”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục, Số 35, tháng 8 năm 2008*, tr. 31-34
12. Hà Thị Vân Anh (2017), “Đảm bảo chất lượng đào tạo của trường đại học”, *Tạp chí Thiết bị Giáo dục, Số 151, Kỳ 2 – tháng 8 năm 2017*, tr. 96-98



13. AUN-QA (2001), *Asean University Network Quality – Assurance: Guideline*, năm 2001

14. SEAMEO (2003), *Framework For Regional Quality Assurance*, Cooperation in Higher Education

15. Watson, R. (1981), *Instructional System Development. Paper presented to the International Congress for Individualized Instruction, October 1981*, EDRS publication ED 209 239

16. Hannum, W.H. (2005), “Instructional Systems Development: A thirty year retrospective”, *Educational Technology*, 45(4), p. 5-21

17. McGriff, S. J. (2000), *Instructional Systems*, College of Education, Penn State University

### **THEORETICAL ISSUES OF QUALITY ASSURANCE AT HIGHER EDUCATION TRAINING PROGRAM**

#### **ABSTRACT**

*The quality of training human resources is the core of the quality of higher education. This article focuses on researching a number of theoretical issues on quality assurance (QA) of higher education at the training program level through the concept and nature of Quality Assurance, especially the cycle of continuous improvement named ADDevIE. In particular, ADDevIE cycle hereby is used as a continuous quality improvement cycle to ensure the quality of the training program. This article is also the premise for the development of criteria on how to ensure quality at the bachelor's program level according to the cycle of ADDevIE (Analysis - Design - Development - Implementation - Evaluation).*

**Keywords:** *Quality assurance, training program, the Cycle of continuous improvement ADDevIE*

(Received: 1/11/2021, Revised: 29/11/2021, Accepted for publication: 17/12/2021)